

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Thương mại
- Tên tiếng Anh: Thuongmai University
- Tên giao dịch viết tắt là TMU

2. Địa chỉ: 79 Hồ Tùng Mậu, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội .

3. Loại hình tổ chức: Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý Nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a) Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại; đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng và nâng cao vị thế của Việt Nam.

b) Tầm nhìn

Đến năm 2040 trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng đổi mới sáng tạo, hội nhập và phát triển bền vững trong khu vực Châu Á.

c) Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi: Truyền thống, Trách nhiệm và Sáng tạo

- *Truyền thống:* Dân chủ, đoàn kết, nhân văn, hợp tác, chia sẻ, tự lực tự cường, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động.

- *Trách nhiệm:* Thượng tôn pháp luật; chịu trách nhiệm giải trình, công khai và minh bạch hóa các hoạt động; không ngừng đổi mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng đào tạo; tham gia tích cực, thiết thực và hiệu quả các hoạt động cộng đồng; không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống cho viên chức và người lao động.

- *Sáng tạo:* Liên tục đổi mới với tư duy sáng tạo trong hoạt động quản lý, giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; Kết hợp sáng tạo cá nhân với trí tuệ tập thể; Phát triển các mối quan hệ, các hoạt động thích ứng và bền vững với mọi sự thay đổi.

d) Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục: Kiến tạo tương lai (*Shape the future*)

Tạo dựng môi trường giáo dục trách nhiệm, chính sách giáo dục đa dạng giúp người học trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách, có khát vọng vươn lên; khẳng định thương hiệu TMU trên nền tảng giá trị cốt lõi Truyền thống - Trách nhiệm - Sáng tạo.

d) Mục tiêu

(1) Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo; đa dạng hình thức, phương thức đào tạo, từng bước nâng cao chuẩn đầu ra và phát triển các ngành/chương trình đào

tạo mới gắn với sự phát triển của nền kinh tế số trên cơ sở đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính có năng lực cao; cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chuyển đổi số đồng bộ; tài chính bền vững.

(2) Phát triển vững chắc khoa học công nghệ để thực sự là động lực góp phần quyết định đưa Trường Đại học Thương mại trở thành trường đại học định hướng đổi mới sáng tạo; tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt trình độ quốc tế trên cơ sở đa dạng hoá các nguồn lực và mở rộng hợp tác.

(3) Tăng cường trách nhiệm phục vụ cộng đồng tích hợp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Đại học Thương mại, tiền thân là Trường Thương nghiệp Trung ương, được thành lập năm 1960 với nhiệm vụ đào tạo cán bộ trung cấp nghiệp vụ kỹ thuật thương nghiệp, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và bổ túc văn hóa cho cán bộ trong ngành. Năm 1979, Trường đổi tên là Trường Đại học Thương nghiệp và đến năm 1994, Trường đổi tên thành Trường Đại học Thương mại theo Quyết định số 203/TTg ngày 02/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ năm 1960 đến năm 1983, Trường chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Nội thương (nay là Bộ Công thương); từ tháng 12 năm 1983 đến nay, nhà trường được bàn giao và chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Thương mại chịu sự quản lý hành chính nhà nước theo vùng lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Năm 1965, tại Quyết định số 182-CP ngày 3/9/1965 của Hội đồng Chính phủ, Trường Thương nghiệp Trung ương được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, với 6 chuyên ngành: Kinh tế thương nghiệp; Nghiệp vụ kỹ thuật thương nghiệp hàng công nghiệp; Nghiệp vụ kỹ thuật thương nghiệp hàng thực phẩm; Nghiệp vụ kỹ thuật chế biến ăn uống công cộng; Quản lý ăn uống công cộng; Kế toán tài vụ thương nghiệp. Năm 1987, nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ với 5 chuyên ngành: Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân; Thương phẩm học các mặt hàng công nghiệp và nguyên liệu công nghiệp nhẹ; Thương phẩm học các mặt hàng thực phẩm; Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế; Thống kê. Năm 1993, Nhà trường tiếp tục được giao nhiệm vụ đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ. Đến năm 2023, Trường có 18 ngành đào tạo trình độ đại học, 06 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 06 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Thương mại đã đào tạo và cung cấp hàng trăm nghìn cán bộ có trình độ đại học, hàng chục nghìn cán bộ có trình độ sau đại học, đã đang công tác trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của nền kinh tế; các cơ quan quản lý nhà nước... của đất nước; hàng trăm cán bộ có trình độ đại học và sau đại học cho các nước bạn (Lào, Campuchia, Mông Cổ,...).

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ tên: Nguyễn Hoàng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 79 Hồ Tùng Mậu, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 0913224738
- Email: mail@tmu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ

hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục

- Quyết định số 733/NT ngày 14/9/1961 của Bộ trưởng Bộ nội thương về việc thống nhất các trường Thương nghiệp Trung ương, Trung cấp Thương nghiệp và Trung cấp Thương phẩm làm một trường lấy tên là “TRƯỜNG THƯƠNG NGHIỆP TRUNG ƯƠNG”;

- Quyết định số 203/TTg ngày 02/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Thương nghiệp thành trường Đại học Thương mại.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 (Quyết định số 2967/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2020);

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 (Quyết định số 2968/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2020);

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Hữu Đức	Chủ tịch
2	Nguyễn Thu Quỳnh	Thư ký
3	Nguyễn Hoàng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên
5	Nguyễn Thị Bích Loan	Thành viên
6	Hà Văn Sự	Thành viên
7	Nguyễn Viết Thái	Thành viên
8	Phan Thị Thu Hoài	Thành viên
9	Mai Thanh Lan	Thành viên
10	Lê Thị Thanh Hải	Thành viên
11	Nguyễn Đức Nhuận	Thành viên
12	Vũ Thuần	Thành viên
13	Cảnh Chí Dũng	Thành viên
14	Đinh Thị Lụa	Thành viên
15	Vũ Trọng Bình	Thành viên
16	Lương Minh Huân	Thành viên
17	Hoàng Ngọc Huân	Thành viên
18	Nguyễn Thị Phụng	Thành viên

19	Nguyễn Văn Anh	Thành viên
----	----------------	------------

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định công nhận chức vụ Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 (Quyết định số 668/QĐ-BGDĐT ngày 08/2/2021);
- Nghị quyết bổ nhiệm PGS,TS Nguyễn Hoàng Việt giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 (Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 26/3/2021);
- Nghị quyết bổ nhiệm PGS,TS Hà Văn Sự giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 (Nghị quyết số 56/NQ-HĐT ngày 06/7/2022);
- Nghị quyết bổ nhiệm PGS,TS Nguyễn Đức Nhuận giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 (Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 15/8/2023);

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại được ban hành kèm theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường và các đơn vị thuộc Trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ tên: Nguyễn Hoàng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0913224738
- Địa chỉ thư điện tử:
- Địa chỉ nơi làm việc: 79 Hồ Tùng Mậu – Từ Liêm – Hà Nội

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

+ Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2040 (Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 03/10/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại)

- Quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục

Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường Đại học Thương mại được ban hành kèm theo Nghị quyết số 133/NQ-HĐT ngày 09/01/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại;

- Các nghị quyết của Hội đồng trường trong năm học, gồm:

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	142/NQ-HĐT	06/8/2024	(1) Thông qua chủ trương tiếp nhận tài trợ; Thông qua mục tiêu cấp Trường năm học 2024-2025; (2) Thông qua chủ trương sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm năm học 2024-2025
	143/NQ-HĐT	09/8/2024	Thông qua chủ trương tổ chức lại Tổ Hành chính – Văn phòng và Ban Nghiên cứu và Phát triển dự án thuộc Viện Đào tạo quốc tế

	144/NQ-HĐT	24/8/2024	Thông qua chủ trương thành lập Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao thuộc Trường Đại học Thương mại
	145/NQ-HĐT	12/9/2024	Thông qua chủ trương tổ chức lại Bộ môn Thương mại điện tử thuộc Khoa Hệ thống thông tin kinh
	146/NQ-HĐT	11/10/2024	(1) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường: Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khoa học công nghệ, Viện Đào tạo quốc tế; (2) Thông qua các Đề án tổ chức lại các đơn vị: Tổ Hành chính - Văn phòng và Ban Nghiên cứu và Phát triển dự án (Viện Đào tạo quốc tế); Bộ môn Thương mại điện tử; Đề án Thành lập Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao; (3) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm; danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc theo vị trí việc làm; tiêu chuẩn, điều kiện làm việc trong Trường Đại học Thương mại năm học 2024-2025; (4) Thông qua nhu cầu tuyển dụng và kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2024; (5) Thông qua Nghị quyết về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Thương mại năm học 2024-2025
6	147/NQ-HĐT	11/10/2024	Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Thương mại năm học 2024-2025
7	148/NQ-HĐT	11/10/2024	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại
8	149/NQ-HĐT	11/10/2024	Phê duyệt Đề án tổ chức lại Ban Nghiên cứu và Phát triển dự án, Tổ Hành chính – Văn phòng thuộc Viện Đào tạo quốc tế
9	150/NQ-HĐT	11/10/2024	Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao
10	151/NQ-HĐT	11/10/2024	Phê duyệt Đề án tổ chức lại Bộ môn Thương mại điện tử thuộc Khoa Hệ thống thông tin và Thương mại điện tử

11	152/NQ-HĐT	14/10/2024	Tổ chức lại Bộ môn Thương mại điện tử thuộc Khoa Hệ thống thông tin và Thương mại điện tử
12	153/NQ-HĐT	14/10/2024	Giải thể Bộ môn Giáo dục thể chất
13	154/NQ-HĐT	14/10/2024	Tổ chức lại Ban Nghiên cứu và Phát triển dự án, Tổ Hành chính – Văn phòng thuộc Viện Đào tạo quốc tế
14	155/NQ-HĐT	14/10/2024	Thành lập Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao
15	156/NQ-HĐT	14/10/2024	Sửa đổi, bổ sung Danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo VTVL; tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của VTVL trong Trường ĐHTM năm học 2024-2025
16	157/NQ-HĐT	12/11/2024	Thông qua Đề án tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025
17	158/NQ-HĐT	13/12/2024	(1) Thông qua Chiến lược phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Thương mại đến năm 2030; Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Thương mại đến năm 2030; (2) Thông qua 9 CTĐT xây dựng mới, 20 CTĐT đánh giá tổng thể/giữa chu kỳ và cải tiến chất lượng; Thông qua chủ trương phát triển chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo tiên tiến); (3) Thông qua chủ trương tiếp nhận tài trợ từ Tập đoàn Hương Sen; (4) Thông qua Kế hoạch giám sát chuyên đề công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Thương mại năm học 2024-2025; (5) Thông qua phương hướng và chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2025; (6) Hiệu trưởng báo cáo hoạt động của Trường năm 2024 và trao đổi, chất vấn của Hội đồng trường
18	159/NQ-HĐT	24/02/2025	(1) Thông qua Đề án tuyển sinh năm 2025; (2) Thông qua chủ trương về việc xây dựng Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động trong Trường Đại học Thương mại
19	160/NQ-HĐT	06/3/2025	Thông qua Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (CTĐT tiên tiến) trình độ đại học

20	161/NQ-HĐT	26/3/2025	Thông qua báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí NSNN và phương án phân bổ các quỹ năm 2024 của Trường Đại học Thương mại
----	------------	-----------	---

Chỉnh sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; gồm:

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	48/NQ-HĐT	19/05/2022	Ban hành Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong Trường Đại học thương mại
2	145/NQ-HĐT	14/10/2024	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn, điều kiện làm việc trong Trường Đại học thương mại năm học 2024-2025
3	133/NQ-HĐT	9/1/2024	Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường Đại học thương mại
4	138/NQ-HĐT	22/4/2024	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại
5	2445/QĐ-ĐHTM	27/12/2024	Quy định chế độ làm việc của giảng viên trường Đại học thương mại
6	280/QĐ-ĐHTM	7/3/2022	Quy định chế độ làm việc viên chức hành chính, người lao động trong trường Đại học thương mại
7	2446/QĐ-ĐHTM	27/12/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc viên chức hành chính, người lao động trong trường Đại học thương mại
8	44/QĐ-ĐHTM	12/1/2023	Chế độ chính sách đối với người lao động ký hợp đồng trong Trường Đại học thương mại
9	1138/QĐ-ĐHTM	5/7/2023	Quy định chi trả thu nhập tăng thêm và vượt định mức công tác đối với viên chức Trường ĐHTM
10	2206/QĐ-ĐHTM	14/12/2023	Quy định nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định của Nhà nước đối với viên

11	34/NQ-HĐT	27/10/2021	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động trong Trường ĐHTM
12	676/QĐ-ĐHTM	22/4/2024	Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và viên chức, NLĐ trong trường
13	678/QĐ-ĐHTM	22/4/2024	Quy định thi đua, khen thưởng viên chức, người lao động trong trường Đại học Thương mại
14	1252/QĐ-ĐHTM	8/9/2022	Quy định tuyển chọn giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi học theo đề án 89 của trường Đại học
15	1076/QĐ-ĐHTM	28/6/2022	Quy định đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động trong trường Đại học thương mại
16	898/QĐ-ĐHTM	28/5/2024	Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đại học thương mại giai đoạn 2024-2030
17	2323/QĐ-ĐHTM	11/12/2024	Quy định đánh giá hiệu suất làm việc KPI đối với đơn vị và viên chức, người lao động trong Trường Đại học thương mại

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ

+ Kế hoạch số 2366/KH-ĐHTM ngày 14/10/2024 tuyển dụng viên chức năm 2024

+ Thông báo số 2368/TB-ĐHTM ngày 14/10/2024 tuyển dụng viên chức năm 2024

- **Quyết định số 2365/QĐ-ĐHTM ngày 17 tháng 12 năm 2024 về Ban hành Chiến lược phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Thương mại.**

- **Quyết định số 2366/QĐ-ĐHTM ngày 17 tháng 12 năm 2024 về Ban hành Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Thương mại.**

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	35.71	
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	96.99%	
3	Tỉ lệ GV có trình độ Tiến sĩ	46.8%	

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	532		280	249	43	3

2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	516		265	236	31	1
---	--	-----	--	-----	-----	----	---

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	49	
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	218	
3	Tỉ lệ CBQL và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số GV toàn thời gian	50.28%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Các chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm liền kề trước báo cáo (2024)
1	Diện tích đất / người học (m2)	6.3	6.3
2	Diện tích sàn /người học (m2)	2.88	2.09
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	24.168	24.168
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	32.473	32.250
5	Số bản sách/ Người học	139.659	139.455
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học	195 Mbps	195 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Khuôn viên/ địa điểm đào	Địa chỉ	Diện tích đất (m²) (theo TT01/2024)	Diện tích sàn (m²)	Mục đích sử dụng chính (đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ...)
1	Trường Đại học Thương Mại (trụ sở chính)	79 Hồ Tùng Mậu – Phường Từ Liêm, TP Hà Nội	43.381x2,5 =108.453	74.854	Đào tạo, nghiên cứu

2	Cơ sở Hà Nam	Đường Lý Thường Kiệt – Phường Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	43.690x1=4 3.690	24.348	Đào tạo, nghiên cứu
---	--------------	---	---------------------	--------	---------------------

Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Toà nhà giảng đường trung tâm C-D	79 Hồ Tùng Mậu – Phường Từ Liêm, TP Hà Nội	396.000.000

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Mức độ đạt kiểm định: 91% số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 28 tháng 02 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2028

Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340115	Ngành Marketing	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Marketing	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/03/2020 – 25/03/2025
2	7340301	Ngành Kế toán	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kế toán	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/03/2020 – 25/03/2025
3	7340301	Ngành Kế toán	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kế toán CLC	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/03/2020 – 25/03/2025
4	7340201	Ngành Tài chính – Ngân hàng	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/03/2020 – 25/03/2025
5	7340201	Ngành Tài chính – Ngân hàng	CTĐT chính quy trình độ đại học	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/03/2020 – 25/03/2025

			ngành Tài chính – Ngân hàng CLC		
6	7310101	Ngành Kinh tế	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/03/2022 – 30/03/2027
7	7380107	Ngành Luật kinh tế	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/03/2022 – 30/03/2027
8	7340122	Ngành Thương mại điện tử	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Thương mại điện tử	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/03/2022 – 30/03/2027
9	7340405	Ngành Hệ thống thông tin quản lý	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/03/2022 – 30/03/2027
10	7340404	Ngành Quản trị nhân lực	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/03/2022 – 30/03/2027
11	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027
12	7810201	Ngành Quản trị khách sạn	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027
13	7810103	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027
14	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027
15	7310106	Ngành Kinh tế quốc tế	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027

16	7220201	Ngành Ngôn Ngữ Anh	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Ngôn Ngữ Anh	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	25/08/2022 – 25/08/2027
17	7340302	Ngành Kiểm toán	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Kiểm toán	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	08/04/2024 - 08/04/2029
18	7510605	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TT KDCLGD, Đại học Quốc Gia Hà Nội	08/04/2024 - 08/04/2029
19	7340115	Ngành Marketing	CTĐT chính quy trình độ đại học Marketing thương mại	AUN-QA	16/09/2024 – 15/09/2029
20	7340301	Ngành Kế toán doanh nghiệp	CTĐT chính quy trình độ đại học Kế toán doanh nghiệp	AUN-QA	16/09/2024 – 15/09/2029
21	7340201	Ngành Tài chính – Ngân hàng	CTĐT chính quy trình độ đại học Tài chính – Ngân hàng thương mại	AUN-QA	16/09/2024 – 15/09/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học TB 3 năm	94.3%	
2	Tỉ lệ tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	1.8%	
3	Tỉ lệ thôi học	1.95 %	0.57 %
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	1.81 %	0.72 %
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	87.8 %	85%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	77.3 %	70 %
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	95,5%	92,8% (4,64/5 điểm)
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng về tổng thể	88,3%	87.6% (4,38/5 điểm)
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	99,1%	98.90%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

A	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học chính quy				
1	Ngôn ngữ Anh	1017	246	38	100%
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	384	184		
3	Kinh tế	1117	268	189	99.04%
4	Kinh tế quốc tế	471	130	64	100%
5	Kinh tế số	195	110		
6	Quản trị kinh doanh	2440	551	273	97.46%
7	Marketing	2156	561	222	100%
8	Kinh doanh quốc tế	943	289	120	99.42%
9	Thương mại điện tử	1126	351	158	100%
10	Tài chính – Ngân hàng	1690	469	135	96.30%
11	Kế toán	1427	318	118	100%
12	Kiểm toán	453	158	61	95.40%
13	Quản trị nhân lực	1160	313	139	98.35%
14	Hệ thống thông tin quản lý	1103	265	89	100%
15	Luật kinh tế	670	201	95	97.94%
16	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	769	307	40	97.14%
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	793	167	82	100%
18	Quản trị khách sạn	1043	197	111	100%
II.	Đại học từ xa				
1	Quản trị kinh doanh	135	635	0	
2	Marketing		514	0	
3	Thương mại điện tử	108	409	0	
4	Kế toán				
5	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		318	0	
6	Luật kinh tế		297	0	
III	Đại học vừa học vừa làm				
1	Quản trị kinh doanh	213	0	42	
IV	Sau Đại học				
1	Cao học	1872	412	290	100%
2	Nghiên cứu sinh	186	24	17	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Tỉ trọng thu KHCN	1.84%	1.87%
2	Số công bố khoa học/ Giảng viên	1.41%	0.8%
3	Số công bố Wos, scopus/ Giảng viên	0.49%	0.31%

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu KH	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	6	7,816,000,000
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	5	1,530,000,000
3	Đề tài cấp cơ sở	64	1,600,000,000
4	Đề tài hợp tác DN (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	2	4,481,285,000
	Tổng số	75	15,427,285,000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề báo cáo
1	Tổng số BB khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	760	425
2	Tổng số công bố Wos, scopus tất cả các lĩnh vực	178	108
3	Tổng số sách chuyên khảo, tác phẩm nghệ thuật và thành tích TDTT đạt giải thưởng quốc tế	11	9
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0
	Tổng số	949	542

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề báo cáo
1	Biên bộ hoạt động TB 3 năm	10.96%	12.02%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	13.15%	10.33%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đvt: tỉ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	673,19	554,62

I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/ Nhà đầu tư	0,00	0,00
II	Thu Giáo dục và đào tạo	638,14	515,88
1	Học phí, lệ phí từ người học	628,42	505,10
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	8,43	8,47
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		0,00
4	Thu khác	1,29	2,31
III	Thu khoa học và công nghệ	6,04	1,85
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1,67	1,60
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	4,37	0,25
3	Thu khác		0,00
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	29,01	36,89
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	569,41	498,68
V	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	273,896	232,19
VI	Chi hỗ trợ người học	39,99	30,70
VII	Chi khác	8,99	6,94
C	Chênh lệch thu chi	103,77	55,94

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS,TS Hà Văn Sự